TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2024.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Quốc Toàn

2. Bà Võ Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2023/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1995 *(Có mặt).*

Địa chỉ: Số 381/19, đường Mạc C, phường Vĩnh T1, Thành phố Rạch G, tỉnh Kiên G1.

2. Bị đơn: Anh Lư Vủ L (Lư Vũ L), sinh năm 1985 *(Vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp Cạn N, xã Thạnh Y, huyện U Minh T2, tỉnh Kiên G1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T và anh Lư Vủ L *(Sau đây gọi tắt là chị T, anh L)* có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh T1, Thành phố Rạch G,

tỉnh Kiên G1 ngày 30/08/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi và nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày không thể hòa giải, nên vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai không quan tâm nhau. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh L.

Ngày 18/4/2023 Tòa án nhân dân huyện U Minh T2, tỉnh Kiên G1 tuyên bố anh L là đã mất tích.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh L có 02 người con chung Lư Tấn An, sinh ngày 13/01/2016 và Lư Tấn Phước, sinh ngày 19/09/2019, hiện hai con đang sống với chị T. Vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị T, anh L không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lư Vủ L được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn với anh L do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, không hòa hợp. Vợ chồng chị T, anh L ly thân từ năm 2020 đến nay không liên lạc được, anh L biệt tích bỏ mặc chị và các con; chị yêu cầu nuôi các con Lư Tấn An, Lư Tấn Phước không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh L biệt tích từ năm 2020 đến nay không tín tức. Ngày 18/4/2023 Tòa án nhân dân huyện U Minh T2, tỉnh Kiên G1 tuyên bố anh L đã mất tích, nên mâu thuẫn giữa chị T và anh L không thể hàn gắn, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T được ly hôn với anh L; giao con chung Lư Tấn An, Lư Tấn Phước cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung chị T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lư Vủ L được Tòa án niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Trong quá trình gải quyết vụ án anh L không phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Lan.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh L. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn và nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Xét nội dung đơn yêu cầu khởi khởi của nguyên đơn HĐXX nhận thấy:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Lý do chị T xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không hòa hợp. Xuất phát từ việc làm ăn kinh tế trong gia đình. Anh L bỏ mặc vợ và các con, không quan tâm chăm sóc, từ đó vợ chồng thường cự cãi. Sự việc, nhiều lần được gia đình hai bên, chính quyền địa phương và vợ chồng hàn gắn nhưng anh L không sửa đổi nên ly thân từ năm 2020 đến nay. Đồng nghĩa với anh L biệt tích từ năm 2020 đến nay không tin tức. Tình trạng anh L đi bỏ địa phương biệt tích từ năm 2020 đến nay cũng được chính quyền địa phương xác nhận và được Tòa án nhân dân huyện U Minh T2, tỉnh Kiên G1 ban hành Quyết định số 01/2023/QĐST-VDS ngày 18/4/2023 về việc tuyên bố anh L đã mất tích.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị không còn. Mặc khác, tình trạng anh L đi bỏ địa phương cũng được Tòa án nhân dân huyện U Minh T2 ban hành Quyết định số 01 nên mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị T được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con chung Lư Tấn An và Lư Tấn Phước, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 10/01/2024 của cháu An có nguyện vọng sống với chị T khi cha mẹ ly hôn, HĐXX nhận thấy: Từ khi vợ chồng chị T, anh L ly thân năm 2020 đến nay con

chung Tấn An, Tấn Phước được chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và cho đi học, các cháu đã thích nghi với bạn bè, môi trường sống bên chị T, nhằm để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, HĐXX thiết nghĩ tiếp tục giao cháu Tấn An, Tấn Phước cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu xem xét nên HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh T2 là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, tại biên lai thu số 0002985 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh T2, tỉnh Kiên G1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Lư Vủ L (Lư Vũ L).

2. *Về con chung:* Giao con chung Lư Tấn An, sinh ngày 13/01/2016 và Lư Tấn Phước, sinh ngày 19/9/2019 (Hiện các con đang sống với chị T) cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh Lư Vũ L có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Chị T, anh L không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Trần Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, tại biên lai thu số 0002985 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh T2, tỉnh Kiên G.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát NDH.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DSH. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng